

2. Mã số ngạch Âm thanh viên chính:
17a.192

3. Mã số ngạch Âm thanh viên:
17a.193

4. Mã số ngạch Thư mục viên cao cấp:
17a.194

5. Mã số ngạch Thư mục viên chính:
17a.195

6. Mã số ngạch Thư mục viên: 17a.196

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03/11/2004 về việc ban hành danh mục các ngạch công chức và các ngạch viên chức.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một

số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục các ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và Danh mục các ngạch viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước để thực hiện việc xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. (Có Danh mục cụ thể kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

DANH MỤC CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC

(ban hành kèm theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

I. NGẠCH CHUYÊN VIÊN CAO CẤP VÀ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Chuyên viên cao cấp	01.001
2.	Thanh tra viên cao cấp	04.023
3.	Kế toán viên cao cấp	06.029
4.	Kiểm soát viên cao cấp thuế	06.036
5.	Kiểm toán viên cao cấp	06.041
6.	Kiểm soát viên cao cấp ngân hàng	07.044
7.	Kiểm tra viên cao cấp hải quan	08.049
8.	Kiểm dịch viên cao cấp động thực vật	09.066
9.	Thẩm kế viên cao cấp	12.084
10.	Kiểm soát viên cao cấp thị trường	21.187

II. NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Chuyên viên chính	01.002
2.	Chấp hành viên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03.017
3.	Thanh tra viên chính	04.024
4.	Kế toán viên chính	06.030
5.	Kiểm soát viên chính thuế	06.037
6.	Kiểm toán viên chính	06.042
7.	Kiểm soát viên chính ngân hàng	07.045
8.	Kiểm tra viên chính hải quan	08.050
9.	Kiểm dịch viên chính động - thực vật	09.067
10.	Kiểm soát viên chính đê điều	11.081
11.	Thẩm kế viên chính	12.085
12.	Kiểm soát viên chính thị trường	21.188

**III. NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC
CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG**

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Chuyên viên	01.003
2.	Chấp hành viên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	03.018
3.	Công chứng viên	03.019
4.	Thanh tra viên	04.025
5.	Kế toán viên	06.031
6.	Kiểm soát viên thuế	06.038
7.	Kiểm toán viên	06.043
8.	Kiểm soát viên ngân hàng	07.046
9.	Kiểm tra viên hải quan	08.051
10.	Kiểm dịch viên động - thực vật	09.068
11.	Kiểm lâm viên chính	10.078
12.	Kiểm soát viên đê điều	11.082
13.	Thẩm kế viên	12.086
14.	Kiểm soát viên thị trường	21.189

**IV. NGẠCH CÁN SỰ VÀ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC
CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG**

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Cán sự	01.004
2.	Kế toán viên trung cấp	06.032
3.	Kiểm thu viên thuế	06.039
4.	Thủ kho tiền, vàng bạc, đá quý (ngân hàng)	07.048
5.	Kiểm tra viên trung cấp hải quan	08.052
6.	Kỹ thuật viên kiểm dịch động thực vật	09.069
7.	Kiểm lâm viên	10.079
8.	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	11.083
9.	Kỹ thuật viên kiểm nghiệm bảo quản	19.183
10.	Kiểm soát viên trung cấp thị trường	21.190

V. CÁC NGẠCH NHÂN VIÊN

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Kỹ thuật viên đánh máy	01.005
2.	Nhân viên đánh máy	01.006
3.	Nhân viên kỹ thuật	01.007
4.	Nhân viên văn thư	01.008
5.	Nhân viên phục vụ	01.009
6.	Lái xe cơ quan	01.010
7.	Nhân viên bảo vệ	01.011
8.	Kế toán viên sơ cấp	06.033
9.	Thủ quỹ kho bạc, ngân hàng	06.034
10.	Thủ quỹ cơ quan, đơn vị	06.035
11.	Nhân viên thuế	06.040
12.	Kiểm ngân viên	07.047
13.	Nhân viên hải quan	08.053
14.	Kiểm lâm viên sơ cấp	10.080
15.	Thủ kho bảo quản nhóm I	19.184
16.	Thủ kho bảo quản nhóm II	19.185
17.	Bảo vệ, tuần tra canh gác	19.186

DANH MỤC CÁC NGẠCH VIÊN CHỨC

(ban hành kèm theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

I. CÁC NGẠCH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI NGẠCH CHUYÊN VIÊN CAO CẤP

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Lưu trữ viên cao cấp	02.012
2.	Chẩn đoán viên cao cấp bệnh động vật	09.054
3.	Dự báo viên cao cấp bảo vệ thực vật	09.058
4.	Giám định viên cao cấp thuốc bảo vệ thực vật - thú y	09.062

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
5.	Kiểm nghiệm viên cao cấp giống cây trồng	09.070
6.	Kiến trúc sư cao cấp	12.087
7.	Nghiên cứu viên cao cấp	13.090
8.	Kỹ sư cao cấp	13.093
9.	Định chuẩn viên cao cấp	13.097
10.	Giám định viên cao cấp	13.100
11.	Dự báo viên cao cấp	14.103
12.	Giáo sư - Giảng viên cao cấp	15.109
13.	Bác sĩ cao cấp	16.116
14.	Dược sĩ cao cấp	16.132
15.	Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên cao cấp	17.139
16.	Phóng viên - Bình luận viên cao cấp	17.142
17.	Phát thanh viên cao cấp	17.145
18.	Quay phim viên cao cấp	17.148
19.	Đạo diễn cao cấp	17.154
20.	Diễn viên hạng I	17.157
21.	Họa sỹ cao cấp	17.160
22.	Bảo tàng viên cao cấp	17.164
23.	Thư viện viên cao cấp	17.168
24.	Phương pháp viên cao cấp	17.172
25.	Huấn luyện viên cao cấp	18.179
26.	Âm thanh viên cao cấp	17a.191
27.	Thư mục viên cao cấp	17a.194

II. CÁC NGẠCH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Lưu trữ viên chính	02.013
2.	Chẩn đoán viên chính bệnh động vật	09.055
3.	Dự báo viên chính bảo vệ thực vật	09.059
4.	Giám định viên chính thuốc bảo vệ thực vật - thú y	09.063

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
5.	Kiểm nghiệm viên chính giống cây trồng	09.071
6.	Kiến trúc sư chính	12.088
7.	Nghiên cứu viên chính	13.091
8.	Kỹ sư chính	13.094
9.	Định chuẩn viên chính	13.098
10.	Giám định viên chính	13.101
11.	Dự báo viên chính	14.104
12.	Phó giáo sư - Giảng viên chính	15.110
13.	Giáo viên trung học cao cấp	15.112
14.	Bác sĩ chính	16.117
15.	Dược sĩ chính	16.133
16.	Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên chính	17.140
17.	Phóng viên - Bình luận viên chính	17.143
18.	Phát thanh viên chính	17.146
19.	Quay phim chính	17.149
20.	Dựng phim viên cao cấp	17.151
21.	Đạo diễn chính	17.155
22.	Diễn viên hạng II	17.158
23.	Họa sỹ chính	17.161
24.	Bảo tàng viên chính	17.165
25.	Thư viện viên chính	17.169
26.	Phương pháp viên chính	17.173
27.	Huấn luyện viên chính	18.180
28.	Âm thanh viên chính	17a.192
29.	Thư mục viên chính	17a.195

III. NGẠCH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI NGẠCH CHUYÊN VIÊN

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Lưu trữ viên	02.014
2.	Chẩn đoán viên bệnh động vật	09.056

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
3.	Dự báo viên bảo vệ thực vật	09.060
4.	Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật - thú y	09.064
5.	Kiểm nghiệm viên giống cây trồng	09.072
6.	Kiến trúc sư	12.089
7.	Nghiên cứu viên	13.092
8.	Kỹ sư	13.095
9.	Định chuẩn viên	13.099
10.	Giám định viên	13.102
11.	Dự báo viên	14.105
12.	Quan trắc viên chính	14.106
13.	Giảng viên	15.111
14.	Giáo viên trung học	15.113
15.	Bác sĩ	16.118
16.	Y tá cao cấp	16.120
17.	Nữ hộ sinh cao cấp	16.123
18.	Kỹ thuật viên cao cấp y	16.126
19.	Dược sĩ	16.134
20.	Biên tập - Biên kịch - Biên dịch viên	17.141
21.	Phóng viên - Bình luận viên	17.144
22.	Phát thanh viên	17.147
23.	Quay phim viên	17.150
24.	Dựng phim viên chính	17.152
25.	Đạo diễn	17.156
26.	Họa sỹ	17.162
27.	Bảo tàng viên	17.116
28.	Thư viện viên	17.170
29.	Phương pháp viên	17.174
30.	Hướng dẫn viên chính	17.175
31.	Tuyên truyền viên chính	17.177
32.	Huấn luyện viên	18.181
33.	Âm thanh viên	17a.193
34.	Thư mục viên	17a.196

09638679

**IV. CÁC NGẠCH VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH
TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI NGẠCH CÁN SỰ**

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Lưu trữ viên trung cấp	02.015
2.	Kỹ thuật viên lưu trữ	02.016
3.	Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật	09.057
4.	Kỹ thuật viên dự báo bảo vệ thực vật	09.061
5.	Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật - thú y	09.065
6.	Kỹ thuật viên kiểm nghiệm giống cây trồng	09.073
7.	Kỹ thuật viên	13.096
8.	Quan trắc viên	14.107
9.	Giáo viên tiểu học	15.114
10.	Giáo viên mầm non	15.115
11.	Y sĩ	16.119
12.	Y tá chính	16.121
13.	Nữ hộ sinh chính	16.124
14.	Kỹ thuật viên chính y	16.127
15.	Dược sỹ trung cấp	16.135
16.	Kỹ thuật viên chính dược	16.137
17.	Dựng phim viên	17.153
18.	Diễn viên hạng III	17.159
19.	Họa sỹ trung cấp	17.163
20.	Kỹ thuật viên bảo tồn, bảo tàng	17.167
21.	Thư viện viên trung cấp	17.171
22.	Hướng dẫn viên (ngành văn hóa thông tin)	17.176
23.	Tuyên truyền viên	17.178
24.	Hướng dẫn viên (ngành thể dục thể thao)	18.182

V. CÁC NGẠCH NHÂN VIÊN

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
1.	Quan trắc viên sơ cấp	14.108

Số thứ tự	Ngạch	Mã số
2	Y tá	16.122
3	Nữ hộ sinh	16.125
4	Kỹ thuật viên y	16.128
5	Y công	16.129
6	Hộ lý	16.130
7	Nhân viên nhà xác	16.131
8	Dược tá	16.136
9	Kỹ thuật viên dược	16.138

BỘ XÂY DỰNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số 24/2004/QĐ-BXD ngày 26/10/2004 về việc ban hành tiêu chuẩn TCXDVN 324: 2004 - Xi măng xây trát.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Biên bản ngày 04/10/2004 của Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành cấp Bộ nghiệm thu dự án tiêu chuẩn "Xi măng xây trát";

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Vật liệu xây dựng tại Công văn số 358/

VLXD-KHKT ngày 05/10/2004 và Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 01 Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam:

TCXDVN 324: 2004 - Xi măng xây trát.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Viện trưởng Viện Vật liệu xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Hồng Quân

09638079

LawSoft® tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com